

Số: 194/TM- DƯỠC - TB,VTYT.

Hàm Thuận, ngày 02 tháng 04 năm 2026

V/v mời chào giá thiết bị y tế  
để tham khảo, xây dựng giá dự toán  
mua sắm đầu thầu năm 2026.

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung Tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán mua sắm, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung Tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc. Địa chỉ: Km17, đường 8/4, thôn Lâm Hoà, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Hạnh

- Chức vụ: Nhân viên văn thư, Phòng Tổ chức - Hành chính.

- Số điện thoại: 0945795765.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: đơn vị tiếp nhận báo giá theo cách thức sau:

Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại địa chỉ: Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc. Địa chỉ: Km17, đường 8/4, thôn Lâm Hoà, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng. (bao gồm: 01 bản cứng có đầy đủ chữ ký đóng dấu hợp pháp; 01 bản mềm vào địa chỉ mail: [ttythamthuanbac@lamdong.gov.vn](mailto:ttythamthuanbac@lamdong.gov.vn)).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10 giờ, ngày 03 tháng 04 năm 2026 đến trước 17 giờ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

**I. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Tên danh mục hàng hoá đề nghị cung cấp thông tin báo giá:

STT	Tên danh mục hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
01	TỦ LẠNH CHUYÊN DÙNG BẢO QUẢN MÁU (TỦ BẢO QUẢN MẪU MÁU)	<p><b>Cấu hình cung cấp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân tủ chính: 01 cái</li> <li>- Kệ: 02 cái</li> <li>- Dây nguồn: 01 cái</li> <li>- HDSD: 01 bộ.</li> </ul> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số kệ: 02 cái</li> <li>- Phương pháp làm mát: không khí cưỡng bức</li> <li>- Nhiệt độ trong tủ được kiểm soát ổn định 2-6 độ C, có màn hình hiển thị nhiệt độ.</li> <li>- Rã đông: tự động</li> <li>- Môi chất làm lạnh: R314a</li> <li>- Điện năng tiêu thụ: 1.95</li> <li>- Độ ồn (dB) (A): 49.6</li> <li>- Nhiệt độ môi trường: 10-32°C</li> <li>- Dải nhiệt độ: 10-32°C</li> <li>- Loại cảm biến: NTC</li> <li>- Bộ điều khiển nhiệt độ: vi xử lý</li> <li>- Bảng hiển thị: kỹ thuật số</li> <li>- Điện áp: 220V/50Hz</li> <li>- Công suất: 175W</li> <li>- Cường độ dòng điện: 1A</li> <li>- Thể tích: 108L</li> </ul>	Cái	01
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số túi máu trữ được: 66 túi 450ml</li> <li>- MT./GT.(Kg): 74/95</li> <li>- Kích thước ngoài (W*D*H): 540*600*1030mm</li> <li>- Kích thước trong (W*D*H): 432*462*478mm</li> <li>- Kích thước đóng gói (W*D*H): 700*585*1200mm</li> <li>- Cảnh báo: Nhiệt độ cao/thấp, mất điện, bộ điều khiển lỗi, cửa mở,..</li> <li>- Pin dự phòng giúp hiển thị và theo dõi nhiệt độ trong tủ: lên tới 72h</li> </ul>		

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân tủ điều chỉnh độ cao: tích hợp sẵn</li> <li>- Cửa trước: thiết kế bằng kính, có chức năng sấy kính.</li> <li>- Khóa cửa: có</li> <li>- Đèn bên trong: LED</li> </ul> <p>Máy in nhiệt: tích hợp sẵn</p>		
02	<b>Garo hơi Komprimeter</b> GARO HƠI	<p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Cấu hình bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Ống bơm</li> <li>- 02 Bao đo bắp tay và bắp đùi</li> <li>- 01 Tài liệu HDSDD</li> </ul> <p><b><u>Thông số kỹ thuật:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Garo hơi cổ điển này là 1 dụng cụ đáng tin cậy được sử dụng trong thủ thuật đoạn chi để hạn chế sự lưu thông của máu trong các chi. Thiết bị có 1 áp kế rất chính xác và bền tốt để cung cấp sự đo lường chính xác và có thời gian sử dụng lâu bền.</li> <li>- Bộ phận bơm tạo áp suất bằng kim loại cứng</li> <li>- Không khí trong bao đo có thể thoát ra ngoài bằng cách mở van xả</li> <li>- Áp kế bằng kim loại mạ crôm với mặt chia độ bằng nhôm dễ đọc có giá trị lên đến 700 mmHg</li> <li>- Đính kèm bao đo phía trên tay 57x9cm và bao đo bắp đùi 96x13cm</li> <li>- Tất cả các bao đo được làm bằng chất liệu có thể giặt và tiệt trùng</li> </ul>	Cái	01
03	<b>Máy monitor 5 thông số</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU(MDR)</li> <li>- Phân loại C</li> <li>- Số lưu hành : 2400367ĐKLNH/BYT-HTTB</li> <li>- Mã HS : 90181900</li> </ul>	Cái	01

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện áp làm việc: 100 - 240V , 50/60 Hz</li> <li>- Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Nhiệt độ môi trường: 5°C đến 40°C</li> <li>o Độ ẩm tương đối: 15 % đến 85%</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Cấu hình thiết bị ( cho 1 máy )</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chính</li> <li>- 1 dây nối đo điện tim</li> <li>- 1 dây điện cực ECG 3 chuyển đạo</li> <li>- 1 dây nối với đầu dò SpO2</li> <li>- 1 ống hơi đo huyết áp</li> <li>- 1 túi hơi huyết áp người lớn</li> <li>- 1 dây nguồn</li> <li>- 1 pin sạc</li> <li>- 1 đầu dò SpO 2 người lớn</li> <li>- 1 đầu dò nhiệt độ da</li> <li>- 1 Tài liệu hướng dẫn sử dụng Anh/Việt</li> </ul> <p><b>Về kỹ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy theo dõi 5 thông số : ECG, nhịp thở , NIBP, SpO<sub>2</sub>, nhiệt độ</li> <li>- Màn hình màu độ phân giải cao rộng 10.4 inch, loại màn hình màu TFT LCD góc nhìn rộng , điều khiển bằng cảm ứng (touch screen)</li> <li>- Màn hình thiết kế với kiểu phẳng mới , giúp dễ dàng vệ sinh lau chùi , hạn chế nhiễm khuẩn trong môi trường chăm sóc đặc biệt như ICU</li> <li>- Máy có chức năng chỉ dẫn thông minh cho người sử dụng trực tiếp: khi có bất kỳ báo động về kỹ thuật trong quá trình theo dõi bệnh nhân , máy sẽ xuất hiện phím chỉ dẫn trên màn hình. Nếu chạm vào phím chỉ dẫn sẽ hiện ra danh sách hướng dẫn cách khắc phục lỗi.</li> </ul>	
--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo chỉ số khuếch đại xung - PI (Pulse-amplitude Index ): Chỉ số PI biểu thị phần trăm xung tín hiệu bắt được của toàn bộ xung tín hiệu phát ra trên đầu dò SpO2 , giúp cho đánh giá tưới máu ngoại vi.</li> <li>- Chỉ số chất lượng tín hiệu - SQI (Signal Quality Index) : chỉ số này được thể hiện dưới dạng thanh biểu đồ hiển thị chất lượng sóng xung nhịp khi đo SpO2.</li> <li>- Tính năng đo huyết áp không xâm lấn thông minh (iNIBP): là thuật toán độc quyền của Nihon Kohden để đo huyết áp không xâm lấn (NIBP) trong quá trình bơm. Ưu điểm là giúp đo nhanh và giảm bớt đau đớn cho người bệnh khi đo huyết áp không xâm lấn NIBP. Ngay cả khi huyết áp bệnh nhân tăng so với lần đo trước thì iNIBP vẫn cho kết quả đo nhanh chóng.</li> <li>- Tính năng đo thời gian chuyển mạch từ trung ương ra ngoại biên -PWTT ( Pulse Wave Transit Time ) : Tính năng này giúp máy phát hiện nhanh các trường hợp bệnh nhân bị thay đổi huyết áp một cách đột ngột . PWTT được tính từ dữ liệu của sóng ECG và SpO2 đồng thời. Trong quá trình đo huyết áp định kỳ, nếu PWTT vượt quá ngưỡng cài đặt, máy sẽ kích hoạt đo huyết áp tại thời điểm đó, từ đó phát hiện nhanh sự thay đổi của huyết áp.</li> <li>- Ứng dụng thuật toán nhận dạng hẹp đoạn QRS giúp nhận dạng loạn nhịp trên trẻ sơ sinh.</li> <li>- Khi kết nối ống đo huyết áp dành cho trẻ sơ sinh, máy tự động nhận dạng và điều chỉnh áp lực bơm an toàn cho trẻ sơ</li> </ul>		
--	--	--	--	--

		<p>sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính năng OCRG: là thông số kết hợp các dữ liệu theo thời gian (trend) gồm nhịp tim nhịp-nhịp, nhịp thở, và mức độ tạo oxy trong máu. OCRG có thể giúp bác sĩ xác định nguyên nhân gây ngưng thở.</li> <li>- Kết nối giữa các monitor với nhau và với monitor trung tâm bằng cáp mạng LAN.</li> <li>- Tính năng interbed: Khi các monitor được kết nối với nhau qua mạng LS-NET, có thể trao đổi và xem dữ liệu của monitor khác cùng hệ thống. Có chế độ hiển thị song song và hiển thị 8 máy.</li> <li>- Có thể kết nối với máy in mạng trung tâm mà không cần monitor trung tâm: in dữ liệu theo thời gian thực hoặc in dữ liệu xem lại trên giấy A4.</li> <li>- Chế độ ngủ (sleep mode): chế độ ngủ ngăn monitor không làm phiền bệnh nhân trong quá trình ngủ hoặc trong thời gian khác. Màn hình tối lại và âm báo đồng bộ, đèn báo đồng bộ được tắt. Chế độ ngủ chỉ có sẵn khi kết nối với monitor trung tâm.</li> <li>- Máy lưu được 120 giờ biểu đồ dạng đồ thị ( trendgraph ) của tất cả các thông số , 120 giờ dữ liệu của các thông số dạng số (trend list), 120 giờ các số liệu huyết áp không xâm lấn NIBP .</li> <li>- Tính năng lưu trữ sóng liên tục ( full diclosure ) : Máy lưu được 120 giờ dạng sóng của 4 chỉ số và có thể xem lại bất cứ khi nào</li> <li>- Thời gian dữ liệu được đồng bộ giữa hai cửa sổ xem dữ liệu: Khi một cửa sổ xem lại dữ liệu được thay đổi sang cửa sổ xem lại khác thì cửa sổ xem lại mới này sẽ mở cùng</li> </ul>		
--	--	---	--	--

		<p>lúc với cửa sổ cũ. Giúp so sánh dữ liệu của nhiều tín hiệu sinh tồn của bệnh nhân tại thời điểm lựa chọn dễ dàng hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính năng nâng cấp độ báo động (Alarm escalation): tự động nâng cấp độ báo động lên một bậc nếu báo động kéo dài hoặc bị tụt SpO2. Nâng cấp báo động áp dụng cho những tín hiệu sinh tồn (SpO2 và ngưng thở) và những báo động kỹ thuật (ECG và SpO2). Giúp giảm rủi ro y tế và cải thiện chất lượng điều trị.</li> </ul> <p><b>Màn hình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình màu TFT LCD, kích thước 10,4 inch, cảm ứng.</li> <li>- Phương pháp hiển thị dạng sóng: Cố định không mờ dần</li> <li>- Kích thước pixel: 0,264 x 0,264</li> <li>- Độ phân giải: 800 x 600 chấm</li> <li>- Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/s (khi hiển thị ECG, sóng nhịp)</li> <li>- Tốc độ quét nhịp thở: 1.56, 6.25, 12 hoặc 25 mm/giây</li> <li>- Số màu trên màn hình: 12</li> <li>- Số dạng sóng tối đa hiển thị trên màn hình: 4 dạng sóng</li> <li>- Các dạng sóng được hiển thị trên màn hình: ECG (tối đa 2 sóng), nhịp thở, nhịp mạch, SpO<sub>2</sub>,</li> <li>- Các số liệu trên màn hình: nhịp tim, nhịp ngoại tâm thu, mức độ ST, nhịp thở, huyết áp không xâm lấn (tâm thu, tâm trương và trung bình), SpO<sub>2</sub>, nhịp mạch, nhiệt độ</li> <li>- Dấu đồng bộ: Dấu đồng bộ nhịp tim, Dấu đồng bộ nhịp mạch, Dấu đồng bộ nhịp thở.</li> </ul> <p><b>Báo động:</b></p>		
--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại báo động: Khi vượt quá các giới hạn trên / dưới, rối loạn nhịp, báo động hệ thống mạng monitor, báo động kỹ thuật.</li> <li>- Báo động 3 mức : nguy cấp (màu đỏ nhấp nháy), cảnh báo (màu vàng nhấp nháy), thông tin (màu xanh hoặc màu vàng nhấp nháy).</li> <li>- Chỉ thị báo động: thông tin, tô viền chỉ số báo động, đèn nhấp nháy, âm báo động.</li> <li>- Chức năng tắt báo động : tắt báo động, cài đặt lại báo động, ngưng báo động, tắt toàn bộ báo động.</li> <li>- Tăng mức độ báo động: ngưng thở, SpO<sub>2</sub> thấp, báo động kỹ thuật (kiểm tra điện cực, không thể phân tích, kiểm tra đầu dò SpO<sub>2</sub>).</li> <li>- Kích hoạt hoãn báo động: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhịp thở RR ngưỡng trên/dưới: 0 – 30 giây</li> <li>• Nhịp tim/mạch HR/PR ngưỡng trên/dưới: 0 – 10 giây</li> <li>• SpO<sub>2</sub>: 0 – 30 giây</li> </ul> </li> <li>- Chọn sẵn các giá trị báo động theo lứa tuổi: trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, người lớn.</li> <li>- Số lượng các cài đặt cho mỗi chế độ báo động theo lứa tuổi: tối đa 3 cài đặt.</li> <li>- Cài đặt ngưỡng báo động: hiển thị cho mỗi thông số theo dõi trên màn hình.</li> <li>- Tự động cài đặt: báo động ngưỡng trên/dưới, mức ST.</li> <li>- Cài đặt báo động mạng monitor: tắt cả báo động, báo động nguy cấp và cảnh báo, báo động nguy cấp, tắt báo động.</li> </ul> <p><b>Thông số xem lại – Review :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung lượng xem lại tối đa:</li> </ul>	
--	--	--	--

		<p>120 giờ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách các tín hiệu sinh tồn: Số thông số hiển thị trên mỗi danh sách: tối đa 15</li> <li>- Khoảng thời gian của 1 danh sách: 1,5,10,15,30 hoặc 60 phút</li> <li>- Danh sách tín hiệu huyết áp không xâm lấn NIBP: Số thông số hiển thị trên danh sách: 15</li> <li>- Xem lại OCRG: có sẵn</li> </ul> <p>Diễn tiến dạng đồ thị (Trendgraph):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng thông số trên mỗi đồ thị: 3</li> <li>- Số lượng đồ thị: 2</li> </ul> <p>Chức năng xem lại các file rối loạn nhịp (Recall) :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sàng lọc cho mỗi loại hiển thị: Mỗi hiển thị loại loạn nhịp riêng (thời điểm loạn nhịp và dạng sóng trong giây trước và sau thời điểm loạn nhịp)</li> </ul> <p>Chức năng Full Disclosure ( xem lại sóng ECG liên tục ):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số sóng hiển thị: tối đa 4 sóng</li> <li>- Thời gian của sóng : 5, 12, 20 , 30 , 60 giây</li> <li>- Phóng to sóng xem trên cửa sổ riêng sóng trong 5 giây kèm theo thông tin</li> </ul> <p>Xem lịch sử báo động :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số báo động xem lại trên màn hình: 9</li> </ul> <p><b>Thông số ECG:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dạng sóng: tối đa 8</li> <li>• Tần số đáp ứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- DIAG: 0.05 to 150 Hz (-3 dB)</li> <li>- MONITOR: 0.3 to 40 Hz (-3 dB)</li> <li>- MAXIMUM: 1 to 18 Hz (-dB)</li> </ul> </li> <li>- Phạm vi giới hạn đếm nhịp tim: 0, 15 đến 300bpm (<math>\pm 2</math> nhịp/ phút),</li> <li>- Đo mức ST:</li> </ul>	
--	--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Số kênh đo: 1 kênh (cáp đo 3 điện cực); 2 kênh (cáp đo 6 điện cực).</li> <li>○ Khoảng đo mức ST: <math>\pm 2.5\text{mV}</math></li> <li>- Đo QTc/QRS: <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Đạo trình QTc/QRS: tất cả, 1 đường, lựa chọn đạo trình.</li> <li>○ Có thể lựa chọn giá trị QTc/QRSD hiển thị trên màn hình.</li> </ul> </li> <li>- Phân tích rối loạn nhịp: <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Phương pháp: kết nối đa mẫu</li> <li>○ Số kênh: 2</li> <li>○ Tầm đếm ngoại tâm thu VPC: 0-99 VPCs / phút</li> <li>○ Thông tin về báo động rối loạn nhịp: 25 mẫu thông tin (Asystole, VF, VT, EXT tachy, EXT brady, VPC run, V brady, SV tachy, Tachycardia, Bradycardia, Pause, Couplet, Early VPC, Multiform, V rhythm, Bigeminy, Trigeminy, Freg VPC, VPC, A-Fib, End A-Fib, Irregular RR, Prolonged RR, No Pacer Pulser, Pacer Non-capture)</li> </ul> </li> <li>- Độ chính xác đếm nhịp tim: <math>\pm 2</math> bpm.</li> </ul>		
		<p><b>Nhịp thở (phương pháp trở kháng):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo: trở kháng.</li> <li>- Số kênh đo : chọn R-F hoặc R-L</li> <li>- Dải đếm: 0-150 nhịp/phút</li> <li>- Độ chính xác: <math>\pm 2</math> nhịp/phút</li> <li>- Nhận dạng thời gian ngưng thở : OFF, 5 đến 40 giây</li> </ul> <p><b>Thông số SpO<sub>2</sub>:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ số biên độ xung PI: có</li> <li>- Đồ thị SQI bar: có</li> </ul>		

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới hạn đo: 0 ~ 100% SpO<sub>2</sub></li> <li>- Dải đo nhịp mạch: 30-300 nhịp/phút</li> <li>- Độ chính xác nhịp mạch: ± 3 nhịp/phút</li> <li>- Độ chính xác: ± 2 % SpO<sub>2</sub>( 80~100%); ± 3 % SpO<sub>2</sub> ( 70~80%)</li> <li>- Thông tin báo động: SpO<sub>2</sub>, nhịp mạch PR.</li> <li>- Cài đặt âm thanh đồng bộ: 81-100, 40-100%.</li> </ul> <p><b>Thông số huyết áp không xâm nhập (NIBP):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp đo: Dao động ký</li> <li>- Dải đo huyết áp: 0 đến 300 mmHg</li> <li>- Độ chính xác: 0 đến 300 mmHg: ± 3 mmHg</li> <li>- Thời gian bơm: Người lớn / trẻ em ≤ 11 giây (700cc), 0-200mmHg ; Trẻ sơ sinh ≤ 5 giây (72cc), 0-200mmHg.</li> <li>- Áp suất trong ống lúc đầu: Người lớn: 180mmHg giây; Trẻ em: 140mmHg; Trẻ sơ sinh 100mmHg. Tất cả có thể được cài đặt lại giá trị khác.</li> <li>- Giá trị huyết áp tối đa: Người lớn/trẻ em: 300 mmHg; Trẻ sơ sinh: 150 mmHg</li> <li>- Thời gian đo tối đa: Người lớn/trẻ em: ≤ 160 giây; Trẻ sơ sinh: ≤ 80 giây</li> <li>- Chế độ đo: Bằng tay, chu kỳ, STAT, SIM.</li> <li>- Tự động nhận dạng loại ống đo đang kết nối với máy: người lớn/trẻ em hoặc trẻ sơ sinh.</li> </ul>		
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rò khí: ≤ 3mmHg/phút.</li> <li>- Thông số hiển thị: huyết áp tâm thu (SYS), huyết áp tâm trương (DIA), huyết áp trung bình (MAP).</li> <li>- Thông số hiển thị khác: đồ thị dao động, nhịp mạch PR, áp lực bơm, RPP, SI.</li> <li>- Chức năng đo huyết áp thông</li> </ul>		

		<p>minh iNIBP: Có (option).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện thị dữ liệu cũ: mờ hoặc ẩn.</li> <li>- Cài đặt thời gian để dữ liệu được nhận dạng là cũ: 5, 10, 30 phút; 1, 24 giờ.</li> </ul> <p><b>Thông số nhiệt độ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 80601-2-56:2009</li> <li>- Giới hạn đo: 0 ~ 45° C</li> <li>- Số kênh: 2</li> <li>- Độ chính xác: <math>\pm 0,1^{\circ}\text{C}</math> (<math>25^{\circ}\leq</math> nhiệt độ <math>\leq 45^{\circ}</math> ) và <math>\pm 0.2^{\circ}\text{C}</math> (<math>0 \leq</math> nhiệt độ <math>\leq 25^{\circ}\text{C}</math>)</li> <li>- Nhiễu nội bộ: <math>\leq 0.03^{\circ}\text{C}</math> (tại nhiệt độ <math>37^{\circ}\text{C}</math>).</li> <li>- Mức trôi nhiệt: <math>\pm 0,005^{\circ}\text{C} / 1^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Tự động nhận biết đầu dò nhiệt bị hư hỏng.</li> <li>- Giới hạn báo động: Từ 0,1 ~ 45° C, OFF</li> </ul> <p><b>Pin sạc :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu pin: Lithium ion</li> <li>- Số lượng Pin: 1</li> <li>- Thời gian hoạt động: 6 giờ</li> <li>- Công suất pin: 35W</li> <li>- Dòng điện sạc: 2270 mA</li> </ul> <p><b>Yêu cầu khác:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao hàng trong thời gian: 90 ngày tại: đơn vị sử dụng;</li> <li>- Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu.</li> <li>- Bảo trì miễn phí trong thời gian bảo hành: 6 tháng/ lần;</li> <li>- Nhà thầu lắp đặt, chạy thử, bàn giao, đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị tại nơi sử dụng.</li> <li>- Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt khi bàn giao thiết bị;</li> <li>- Cung cấp CO, CQ, Bộ chứng từ nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu khi bàn giao hàng hóa;</li> <li>- Cung cấp vật tư tiêu hao, phụ</li> </ul>		
--	--	---	--	--

		<p>tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành.</p> <p>- Cung cấp báo giá bảo trì thiết bị sau khi hết thời gian bảo hành.</p> <p>Cung cấp báo giá phụ tùng, vật tư thay thế</p>		
--	--	--	--	--

2. Địa điểm cung cấp: tại Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc. Địa chỉ: Km17, đường 8/4, thôn Lâm Hoà, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán trong vòng 90 ngày, sau khi bên mua nhận đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định.

5. Các thông tin khác (nếu có):

Nhà thầu thực hiện báo giá theo đúng quy định, giá hàng hóa đã bao gồm các chi phí về thuế, lệ phí, chi phí vận chuyển.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KHTH(đăng trang Website TTYT);
- Lưu VT, KD.



*BS. Trần Giao Hùng*

